

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 20/2023/DSST
Ngày 26/12/2023
“v/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor P

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ksor H'Q
2. Bà Phùng Thị Tố Tr

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Hải B - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay S - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2023/TLST- DS, ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ánh T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn Mới, xã Chư Rcam, huyện Krông Pa, Gia Lai (Vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn L, sinh năm 1970

Địa chỉ: Buôn ENan, xã Ia Rsai, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Ông Huỳnh Tấn Lộc mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T trình bày: Năm 2018, ông L có đến nhà bà vay 02 lần tiền cụ thể: Vào ngày 03/7/2018 ông L vay 50.000.000 đồng và đến ngày 12/7/2018 ông L tiếp tục vay thêm 15.000.000 đồng nữa. Hai bên thoả thuận lãi suất là 2%/tháng. Ông L hẹn khi nào bà cần tiền thì thông báo trước cho ông L biết để ông L thanh toán cho bà số tiền

trên. Tuy nhiên, sau vài tháng, nhiều lần bà yêu cầu ông L trả tiền nhưng ông L không chịu trả, cố tình chây ì, một thời gian bỏ đi làm xa và nói để thanh toán tiền cho bà nhưng ông L vẫn cố tình không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pa buộc ông Huỳnh Tấn L trả cho bà số tiền gốc 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất là 20%/năm kể từ khi vay 12/7/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Khi ông Lộc vay số tiền 50.000.000 đồng thì ông L có đưa cho bà giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên bà Nguyễn Thị D, địa chỉ 19/1 Hẻm Sư Vạn Hạnh, phường Hội Thương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai để làm tin, nhưng vì trước đây bà đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ông L phải trả cho bà số tiền trên nhưng ông L hứa để ông Lộc đi làm một thời gian có tiền trả cho bà nên bà rút đơn khởi kiện và đã trả lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông L.

2. Đối với bị đơn ông Huỳnh Tấn L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai hay ý kiến trong hồ sơ vụ án.

3. Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án;

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ, các lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án khẳng định giữa bà Tuyết và bà Tuyền có xác lập hợp đồng vay tài sản bằng văn bản cụ thể là giấy vay tiền có nội dung: “Em tên: Huỳnh Tấn L em có thể chấp bìa đỏ đứng tên Nguyễn Thị D số 54,1 Sư Vạn Hạnh với số tiền 50.0000 (năm mươi triệu) ngày 3/7/2018. LỘC”

Em có lấy thêm 15 triệu. Tổng cộng 65 triệu kể từ ngày 12 tháng7 (DL) năm 2018 Lãi: 2%/ 1 tháng. Người cho mượn. Phạm Thị Ánh Tuyết”.

Như vậy, ông Huỳnh Tấn L xác lập giao dịch dân sự với bà Tuyết là có thật, các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản, tuy không xác định thời hạn trả nợ, nhưng các bên có thỏa thuận lãi suất.

Đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự (BLDS).

Mặc dù bà Tuyết báo trước cho bị đơn ông Huỳnh Tấn L một thời gian hợp lý, nhưng ông L cố tình không chịu trả.

Do vậy bà Phạm Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Tấn L trả nợ số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay (ngày 12/7/2018) cho đến ngày giải quyết xong vụ án là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 1; Điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 463; Khoản 1 và Khoản 5 Điều 466; Khoản 1 Điều 468; Khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTWQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Tấn L phải trả cho bà Phạm Thị Ánh T số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 12/07/2018 đến ngày tòa án tuyên án sơ thẩm;

Đối với giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên bà Nguyễn Thị D, địa chỉ 19/1 Hẻm Sư Vạn Hạnh, phường Hội Thương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai do ông Lộc đưa cho bà T để làm tin trong quá trình vay tiền 50.000.000 đồng nhưng quá trình giải quyết vụ án bà T đã trả lại cho ông L nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Huỳnh Tấn L chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án đã tạm nộp trước đây cho bà Tuyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS. Bị đơn ông Huỳnh Tấn Lộc cư trú tại buôn Enan, xã Ia Rsai, huyện Krông Pa nên Tòa án nhân dân huyện Krông Pa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Huỳnh Tấn Lộc như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập...theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Huỳnh Tấn L không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; Giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Huỳnh Tấn L vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T đã nhận được quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ

nhưng đã có đơn xin được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như trong đơn xin được xét xử vắng mặt của nguyên đơn để quyết định. Đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Tấn L phải trả số tiền đã vay là 65.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất là 20%/ năm kể từ ngày 12/7/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là tờ giấy viết tay bản chính, Tòa án thu thập theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về chứng minh và chứng cứ nên có giá trị để xem xét. Nội dung của tờ giấy là “Em tên: Huỳnh Tấn L em có thể chấp bìa đồ đứng tên Nguyên Thị D số 54,1 Sư Vạn Hạnh với số tiền 50.0000 (năm mươi triệu) ngày 3/7/2018. LỘC” Em có lấy thêm 15 triệu. Tổng cộng 65 triệu kể từ ngày 12 tháng7 (DL) năm 2018 Lãi: 2%/ 1 tháng. Người cho mượn. Phạm Thị Ánh T”

Nguyên đơn trình bày và khẳng định nội dung trên là chữ ký và chữ viết là của ông Huỳnh Tấn L. Vì vậy chứng cứ nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử khẳng định bà Tuyết có cho ông Huỳnh Tấn L vay hai lần tổng số tiền là 65.000.000 đồng với lãi suất là 2%/tháng và không thoả thuận thời gian trả, bà T nhiều lần yêu cầu trả nợ trong khoảng thời gian dài nhưng ông Huỳnh Tấn L không chịu trả tiền; ông Huỳnh Tấn L không thực hiện việc trả tiền cho bà Phạm Thị Ánh T là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 289, 463, 466, 468 và Điều 469 của BLDS.

Xét đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn theo Điều 469 của BLDS. Bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến khi nhận lại tài sản. Thời gian vay đã lâu, bà Tuyết yêu cầu nhiều lần nhưng ông L không trả nợ. Do đó bà Tuyết khởi kiện yêu cầu ông Lộc hoàn trả số tiền nợ gốc và lãi là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về lãi suất: Đây là quan hệ hợp đồng dân sự vay tiền có thỏa thuận về lãi và không kỳ hạn quy định tại Khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015. Theo Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định trong trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được quá 20%/năm của khoản tiền vay (không được vượt quá 1,66%/tháng).

Thời hạn tính lãi là từ ngày 12/7/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 26/12/2023, được tính như sau: 65.000.000 đồng x 65 tháng 14 ngày x 20%/năm =

70.922.221 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 65.000.000 đồng + 70.922.221 đồng = 135.922.221 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Do vậy, cần buộc bị đơn ông Huỳnh Tấn L phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Ánh T số tiền nợ gốc và nợ lãi là 135.922.221 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi một đồng).

Đối với giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên bà Nguyễn Thị D, địa chỉ 19/1 Hẻm Sư Vạn Hạnh, phường Hội Thương, thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai do ông L đưa cho bà Tuyết để làm tin trong quá trình vay tiền 50.000.000 đồng vào ngày 03/7/2018 nhưng quá trình giải quyết vụ án bà T đã trả lại cho ông Lộc nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tổng giá ngạch của vụ kiện là 135.922.221 đồng. Ông Huỳnh Tấn L phải nộp 135.922.221 đồng x 5% = 6.796.111 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Phạm Thị Ánh T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 1; Điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 463; Khoản 1 và Khoản 5 Điều 466; Khoản 1 Điều 468; Khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T.

Buộc ông Huỳnh Tấn L trả cho bà Phạm Thị Ánh Tuyết số tiền 135.922.221 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi một đồng). Trong đó tiền gốc là 65.000.000 đồng, tiền lãi 70.922.221 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/12/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Huỳnh Tấn L phải nộp 6.796.111 đồng (Sáu triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn một trăm mười một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Ánh T toàn bộ số tiền đã tạm nộp án phí là 1.625.000 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001979 ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Bà Phạm Thị Ánh T và ông Huỳnh Tấn L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Thành viên hội đồng xét xử -

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Tố Tr - **Ksor H'Q**

Ksor P